

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 2309/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 514/TTr-SNNMT ngày 26/6/2025 và số 517/TTr-SNNMT ngày 27/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này xây dựng, cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025. Các thủ tục hành chính, quy trình nội bộ sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:

1. Danh mục thủ tục hành chính có số thứ tự số thứ tự 28, từ 35 đến 38 Phần A và số thứ tự 04, 05 Mục IV phần B Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 29/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Nông nghiệp, Chăn nuôi, Thủy sản, Thú y, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Khoa học công nghệ và môi trường, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

2. Quy trình nội bộ các thủ tục hành chính có số thứ tự 01 tiểu mục V Mục A, tiểu mục III, tiểu mục IV Mục B Phần I Phụ lục II; Mục V Phần I Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 29/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Xuân Huyền

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1394 /QĐ-UBND, ngày 27 /6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (12 TTHC)

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
		Theo quy định	Đã cắt giảm			
I	LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (04 TTHC)					
1	Công nhận làng nghề (1.003695)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	20 ngày làm việc (theo Quyết định số 2154/QĐ-UBND ngày 06/11/2019)	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường. Địa chỉ: Số 118 đường Ba Sơn , thôn Đồi Chè, xã Hoàng Đồng, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025
2	Công nhận nghề truyền thống (1.003712)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	20 ngày làm việc (theo Quyết định số 2154/QĐ-UBND ngày 06/11/2019)			
3	Công nhận làng nghề truyền thống (1.003727)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	20 ngày làm việc (theo Quyết định số 2154/QĐ-UBND ngày 06/11/2019)			

¹ Phần in nghiêng là tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung.

4	Hỗ trợ dự án liên kết (1.003397)	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 28/5/2024)	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường. Địa chỉ: Số 118 đường Ba Sơn, thôn Đồi Chè, xã Hoàng Đồng, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ. Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025
II LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN (08 TTHC)						
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (2.001827)	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	09 ngày (theo QĐ 974/QĐ-UBND ngày 25/5/2020)	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường. Địa chỉ: Số 118 đường Ba Sơn, thôn Đồi Chè, xã Hoàng Đồng, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Luật An toàn thực phẩm 2010. - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018. - Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/. - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 .

2	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2.001730)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường. Địa chỉ: Số 118 đường Ba Sơn, thôn Đồi Chè, xã Hoàng Đồng, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Điều 4 Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.
3	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2.001726)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Điều 5 Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 38/ Ngày 08-7-2025

4	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (1.003111)	35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ				- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Điều 6 Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.
5	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 (1.003082)	30 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ		- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường. Địa chỉ: Số 118 đường Ba Sơn , thôn Đồi Chè, xã Hoàng Đồng, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Điều 7 Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.
6	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (1.003058)	35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ				
7	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước (2.001254)	35 ngày làm việc, kể từ khi nhận được được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ				

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 38/ Ngày 08-7-2025

8	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm (1.002996)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ				
---	---	---	--	--	--	--

Phần II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CẤP XÃ (01 TTHC)

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ²
5	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã) ³ (1.003434)	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã (địa bàn triển khai thực hiện dự án liên kết). - Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã.	- Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ. <i>Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025</i>

Phần III. DANH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ CẤP HUYỆN (01 TTHC)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Số thứ tự tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ thủ tục hành chính
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (2.001827)	Số thứ tự 04, Tiểu Mục I Phần B Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 29/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Nông nghiệp, Chăn nuôi, Thủy sản, Thú y, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Khoa học công nghệ và môi trường, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.	Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

² Phần in nghiêng là tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung.³ Tên TTHC Hỗ trợ dự án liên kết (cấp huyện) được công bố tại Quyết định số 773/QĐ-UBND, ngày 29/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn đã được sửa đổi, bổ sung bằng tên này.

Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ
TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT
CỬA LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, QUẢN
LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG,
UBND CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của
Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG
QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA (09 TTHC)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (08 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN	
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	
2	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
3	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	
4	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	
5	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005	
6	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	
7	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	
8	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	
1	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA

CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

- Trung tâm phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức một cửa: CCMC
- Ủy ban nhân dân: UBND
- Nông nghiệp và Môi trường: NN&MT
- Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường: CLCB&PTTT

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (08 TTHC)

1. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 09 ngày x 08 giờ = 72 giờ (Thời gian thực hiện theo quy định: 15 ngày, thời gian đã cắt giảm: 06 ngày)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử, chuyển Văn thư Sở, chuyển Lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo Phòng CLCB&PTTT	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/ Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ cho chuyên viên	Lãnh đạo Phòng CLCB&PTTT	1/2 ngày
B3	Kiểm tra thực tế điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm tại cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Chuyên viên Phòng CLCB&PTTT	06 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng CLCB&PTTT	1/2 ngày
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho Công chức một cửa	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		09 ngày

2. Nhóm 02 thủ tục hành chính

2.1. Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.2. Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc x 08 giờ = 24 giờ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử, chuyển Văn thư Sở, chuyển Lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo Phòng CLCB&PTTT	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/ Lãnh đạo Văn phòng Sở	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ cho chuyên viên	Lãnh đạo Phòng CLCB&PTTT	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, tham mưu ban hành Sở NN&MT thông báo nêu rõ lý do không cấp giấy chứng nhận. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ tham mưu Sở NN&MT quyết định cấp Giấy chứng nhận.	Chuyên viên Phòng CLCB&PTTT	12 giờ
B4	Xem xét hồ sơ, văn bản xử lý trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng CLCB&PTTT	02 giờ
B5	Xem xét ký duyệt văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở NN&MT	04 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho Công chức một cửa	Văn thư Sở NN&MT	02 giờ
B7	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			24 giờ

3. Nhóm 3 TTHC:

3.1. Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.

3.2. Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.

3.2. Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 35 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử, chuyển Văn thư Sở, chuyển Lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo Phòng CLCB&PTTT	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/ Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ cho chuyên viên	Lãnh đạo Phòng CLCB&PTTT	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, tham mưu ban hành Sở NN&MT thông báo nêu rõ lý do không cấp giấy chứng nhận. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ tham mưu Sở NN&MT ban hành quyết định thành lập đoàn đánh giá cơ sở kiểm nghiệm.	Chuyên viên Phòng CLCB&PTTT	09 ngày
B4	Xem xét hồ sơ, văn bản xử lý trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng CLCB&PTTT	02 ngày
B5	Xem xét ký duyệt quyết định thành lập đoàn đánh giá cơ sở kiểm nghiệm.	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B6	Tổ đánh giá tại cơ sở, gửi kết luận đánh giá.	Đoàn đánh giá cơ sở kiểm nghiệm	10 ngày
B7	Xem xét và chỉ định cơ sở kiểm nghiệm nếu đạt yêu cầu dự thảo Quyết định chỉ định hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Nếu không đạt yêu cầu, dự thảo thông báo bằng văn bản về lý do không chỉ định cho cơ sở kiểm nghiệm. Trong trường hợp cần thiết, có thể thành lập hội đồng tư vấn trước khi trình ban hành Quyết định chỉ định	Phòng CLCB&PTTT	05 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B8	Xem xét hồ sơ, văn bản xử lý trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng CLCB&PTTT	01 ngày
B9	Xem xét ký duyệt văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở NN&MT	03 ngày
B10	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho Công chức một cửa	Văn thư Sở NN&MT	01 ngày
B11	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		35 ngày làm việc

4. Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 30 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử, chuyển Văn thư Sở, chuyển Lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo Phòng CLCB&PTTT.	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/ Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ cho chuyên viên	Lãnh đạo Phòng CLCB&PTTT	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ dự thảo thông báo của Sở NN&MT gửi đơn vị nộp hồ sơ để hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định (<i>Không quá 10 ngày làm việc</i>). - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; dự thảo Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm. - Trường hợp cần thiết: Tham mưu thành lập đoàn đánh giá và tiến hành đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm.	Chuyên viên Phòng CLCB&PTTT	22 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Xem xét hồ sơ, văn bản xử lý trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng CLCB&PTTT	02 ngày
B5	Xem xét ký duyệt văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở NN&MT	03 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho Công chức một cửa	Văn thư Sở NN&MT	01 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		30 ngày làm việc

5. Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc x 08 giờ = 40 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử, chuyển Văn thư Sở, chuyển Lãnh đạo Văn phòng Sở phân công chuyển đến Lãnh đạo Phòng CLCB&PTTT	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/ Lãnh đạo Văn phòng Sở	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ cho chuyên viên	Lãnh đạo Phòng CLCB&PTTT	04 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, tham mưu ban hành Sở NN&MT thông báo nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ tham mưu Sở NN&MT trả lời kết quả bằng văn bản cho cơ sở kiểm nghiệm.	Chuyên viên Phòng CLCB&PTTT	24 giờ
B4	Xem xét hồ sơ, văn bản xử lý trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng CLCB&PTTT	04 giờ
B5	Xem xét ký duyệt văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở	06 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho Công chức một cửa	Bộ phận Văn thư	02 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B7	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC của Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		40 giờ

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 TTHC)
LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (01 TTHC)

1. Hỗ trợ liên kết sản xuất (cấp xã)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 18 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử, chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng chuyên môn cấp xã	CCMC cấp xã	0,5 ngày
B2	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên thẩm định	Lãnh đạo phòng chuyên môn cấp xã	01 ngày
B3	Tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tham mưu trình UBND cấp xã phê duyệt. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong 10 ngày làm việc kể từ khi thẩm định phải thông báo và nêu rõ lý do	Chuyên viên phòng chuyên môn cấp xã	11 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, trình lên UBND cấp xã	Lãnh đạo phòng chuyên môn cấp xã	02 ngày
B5	Xem xét, ban hành Quyết định hỗ trợ	Lãnh đạo UBND cấp xã	03 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển kết quả cho công chức TTPVHCC cấp xã.	Văn thư UBND cấp xã	0,5 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; thống kê, theo dõi	CCMC cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			18 ngày làm việc

Phụ lục III

DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1394/QĐ-UBND, ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần 1

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG (04 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
1	Công nhận làng nghề	- UBND tỉnh; - Sở Nông nghiệp và Môi trường.
2	Công nhận nghề truyền thống	
3	Công nhận làng nghề truyền thống	
4	Hỗ trợ dự án liên kết	- UBND tỉnh; - Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Sở Tài chính, các Sở ngành liên quan; - Ủy ban nhân dân cấp xã.

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG

CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức một cửa: CCMC
- Ủy ban nhân dân: UBND
- Nông nghiệp và Môi trường: NN&MT
- Phát triển nông thôn: PTNT.

I. LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC, PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (04 TTHC)

1. Nhóm 03 TTHC:

1.1. Công nhận làng nghề

1.2. Công nhận nghề truyền thống

1.3. Công nhận làng nghề truyền thống

Tổng thời hạn thực hiện TTHC: 20 ngày làm việc

(Thời gian thực hiện theo quy định: 30 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 10 ngày làm việc)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả.Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng Phát triển nông thôn (PTNT).	CCMC Sở tại TTPVHCC/ Văn thư sở/Lãnh đạo văn phòng sở	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng PTNT	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: Xây dựng dự thảo văn bản tham mưu, trình Lãnh đạo phòng	Chuyên viên Phòng PTNT	05 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo phòng PTNT	01 ngày
B5	Xem xét ký văn bản xử lý, tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng xét duyệt	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản trình UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 38/ Ngày 08-7-2025

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B7	Xem xét, quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
B8	Họp xét duyệt hồ sơ, ban hành văn bản thông báo	Hội đồng xét duyệt hồ sơ	02 ngày
B9	Dự thảo Tờ trình của Sở và dự thảo Quyết định công nhận của UBND tỉnh, trình Lãnh đạo Sở	Phòng PTNT	02 ngày
B10	Xem xét văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng PTNT	01 ngày
B11	Xem xét ký văn bản xử lý, trình UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định công nhận	Lãnh đạo Sở NN và MT	01 ngày
B12	Đóng dấu, chuyển văn bản trình UBND tỉnh	Văn thư Sở NN và MT	1/2 ngày
B13	Xem xét, ban hành Quyết định công nhận, chuyển kết quả đến TTPVHC	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày
B14	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian thực hiện		20 ngày làm việc

2. Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)

Tổng thời hạn thực hiện TTHC: 17 ngày làm việc

(Thời gian thực hiện theo quy định: 25 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 08 ngày làm việc)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng PTNT.	CCMC Sở tại TTPVHCC/ Văn thư sở/Lãnh đạo Văn phòng sở	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng PTNT	1/2 ngày

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 38/ Ngày 08-7-2025

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B3	Thẩm định hồ sơ: Xây dựng dự thảo văn bản tham mưu, trình Lãnh đạo phòng PTNT - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng được các điều kiện theo quy định: thông báo bằng văn bản cho TTPVHCC. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định thì thực hiện Bước 4.	Chuyên viên phòng PTNT	1,5 ngày
B4	- Thành lập hội đồng Thẩm định, xây dựng dự thảo văn bản. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc, Hội đồng tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đủ điều kiện tham mưu dự thảo Tờ trình của Sở trình UBND xem xét phê duyệt. - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, phải thông báo và nêu rõ lý do.	Hội đồng thẩm định gồm Lãnh đạo Sở NN và MT, đại diện Sở Tài chính, các Sở ngành liên quan và UBND xã /Phòng PTNT	07 ngày
B5	Xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo Sở NN&MT.	Lãnh đạo phòng PTNT	02 ngày
B6	Xem xét, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN và MT	02 ngày
B7	Phát hành văn bản gửi UBND tỉnh.	Văn thư Sở NN và MT	1/2 ngày
B8	Xem xét, ký duyệt quyết định; chuyển kết quả xử lý cho CCMC Sở tại Trung tâm PVHCC.	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày
B9	Thống kê và theo dõi, trả kết quả cho cá nhân/tổ chức	CCMC Sở tại TTPVHCC/NVBĐ	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết		17 ngày làm việc